

Bản án số: 89/2021/DSPT

Ngày: 25/5/2021

V/v “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Tuấn Anh.

- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Nghĩa.

Ông Lê Xuân Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:* Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2020/TLPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc “*Đòi lại tài sản; chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2020/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 62/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lữ Đình Tr (chết ngày 21/12/2020)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lữ Đình Tr:

1. Bà Dương Thị M,

2. Anh Lữ Đình Ph,

3. Chị Lữ Thị S,

4. Anh Lữ Đình B,

Cùng cư trú tại: Khu phố N, phường H1, thị xã H, tỉnh Bình Định.

5. Chị Lữ Thị L; cư trú tại: khu phố Ph, phường H2, thị xã H, tỉnh Bình Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Lữ Đình Phúc: Luật sư Hồ Thành Ph1 – Văn phòng Luật sư Thanh P – Đoàn luật sư Bình Định.

- *Bị đơn:* Cụ Nguyễn Thị H (chết ngày 13/3/2021)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Thị H:

1. Anh Lữ Đình Ng,
2. Anh Lữ Đình Nh,
3. Chị Lữ Thị T,
4. Chị Lữ Thị L1,
5. Anh Lữ Đình Đ,

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Ngô Thế Q – Công ty Luật TNHH MTV N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lữ Đình M1; cư trú tại: Khu phố N, phường H1, thị xã H, tỉnh Bình Định.

2. Bà Lữ Thị T1; số 04 đường Hoàng Văn Th, tổ 2, phường IaKring, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Bà Lữ Thị K; cư trú tại: Thôn L, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của bà Dương Thị M, bà Lữ Thị T1 và bà Lữ Thị K: Anh Lữ Đình Ph; cư trú tại: Khu phố N, phường H1, thị xã H, tỉnh Bình Định (Các Văn bản ủy quyền ngày 04/01/2019; 19/02/2019; 27/02/2019; 26/02/2019).

4. Ông Lữ Đình M1,
5. Chị Trần Thị C,
6. Chị Nguyễn Thị Ch,
7. Chị Nguyễn Thị T2,
8. Anh Lữ Hữu Ngh,
9. Anh Lữ Duy P,
10. Chị Lữ Thị Kim Th,

Cùng cư trú tại: Khu phố N, phường H1, thị xã H, tỉnh Bình Định.

11. Chị Nguyễn Thị Thanh Th1.

Cùng cư trú tại: Khu phố N2, phường H1, thị xã H, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Lữ Đình Tr là bà Dương Thị M, anh Lữ Đình Ph và chị Lữ Thị S do anh Lữ Đình Ph đại diện trình bày:

Bà Dương Thị M là vợ ông Lữ Đình Tr (nguyên đơn trong vụ án). Ngày 21/12/2020, ông Tr chết. Vợ chồng ông Tr, bà M có 03 con chung là Lữ Đình Ph, Lữ Thị S và Lữ Thị L. Ông Tr có 01 người con với đời vợ trước là anh Lữ Đình B.

Thửa đất số 1013, tờ bản đồ số 07, diện tích 336m² (200m² đất ở và 136m² đất vườn) tại khu phố N, phường H1, thị xã H, tỉnh Bình Định đã được

Nhà nước cân đối, giao quyền sử dụng cho hộ cụ Lữ M3 (cha ông Lữ Đình Tr). Năm 1998 cụ M3 chết. Những người thừa kế theo pháp luật và các thành viên trong hộ của cụ M3 đều thống nhất giao thừa đất số 1013 cho ông Tr trọn quyền sử dụng.

Liên kề thừa đất số 1013 là thừa đất số 1012 của hộ cụ Nguyễn Thị H (vợ cụ Lữ H1). Thừa đất số 1013 của ông Tr bị cụ H lấn chiếm một phần và cất nhà ở trên phần đất đã lấn chiếm nên ông Tr yêu cầu cụ H phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm. Tuy nhiên, do cụ H đã xây nhà trên một phần diện tích đất lấn chiếm nên ông Tr chỉ yêu cầu cụ H trả lại diện tích đất theo ranh giới song song và cách tường nhà cụ H 01m cụ thể như sau:

Phần diện tích đất trên đó có một phần nhà do cụ H xây dựng để cho hộ cụ H sử dụng, không buộc cụ H phải tháo dỡ phần nhà cất trên đất lấn chiếm.

Phần diện tích đất còn lại, yêu cầu cụ Huyền phải trả lại cho ông sử dụng.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn cụ Nguyễn Thị H trình bày:

Thừa đất số 1012, tờ bản đồ số 07, diện tích 536m² (200m² đất ở và 336m² đất vườn) tại khu phố N, phường H1, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định đã được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng cho hộ cụ Lữ H1. Thừa đất số 1012 và 1013 liên kề nhau có ranh giới đã được xây tường rào tấp lô phân định rõ ràng. Ngôi nhà do cụ H đang ở xây dựng trên thừa đất số 1012, không lấn chiếm đất của ông Lữ Đình Tr nên cụ H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tr. Do đó bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lữ Thị K, bà Lữ Thị T1 thống nhất trình bày: Đồng ý như trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

- Vợ chồng anh Lữ Đình Nh, chị Trần Thị C trình bày: Anh chị là con và dâu của cụ Nguyễn Thị H, ông Lữ H3. Ngôi nhà cụ H và vợ chồng anh chị đang ở xây dựng trên thừa đất số 1012, tờ bản đồ số 7, tại khu phố N, phường H1, thị xã H, tỉnh Bình Định thuộc quyền sử dụng của hộ cụ Lữ H1. Anh chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Anh Lữ Đình Ng, chị Nguyễn Thị T2, chị Nguyễn Thị Ch, bà Lữ Thị L1, anh Lữ Đình Đ cùng trình bày: Các anh chị là con, dâu của cụ Nguyễn Thị H. Cụ H xây dựng nhà ở trên thừa đất số 1012, không lấn chiếm đất của ông Lữ Đình Tr nên các anh chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ông Lữ Đình M1 trình bày: Ông là con cụ Lữ H3, mẹ ông đã chết từ lâu. Cha mẹ ông có hai người con là ông và ông Lữ Đình Đ. Ông Đ đã chết nhưng có vợ là Nguyễn Thị T3 và 03 người con là Lữ Đình Ngh, Lữ Duy P và Lữ Thị Kim Th. Phần đất đang tranh chấp thuộc thừa đất số 1012 nguyên

là của ông nội để lại cho cha ông từ năm 1956. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Anh Lữ Hữu Ngh, anh Lữ Duy P, chị Lữ Thị Kim Th, bà Nguyễn Thị Thanh Th1 bà Lữ Thị T thống nhất trình bày: Ngôi nhà cụ H đang ở được xây dựng trên thửa đất số 1012, không lấn chiếm gì đất của ông Tr do đó các anh chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các anh chị đề nghị Tòa giải quyết vắng mặt vì lý do bận công việc làm ăn, không tham dự được.

Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2020/DS-ST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân thị xã H đã xử:

1. Thửa đất số 1012, tờ bản đồ số 07, diện tích đo đạc thực tế 881,1m² (trong đó có 200m² đất ở, 691,1m² đất vườn) tại khu phố N, phường H1, thị xã H, tỉnh Bình Định thuộc quyền sử dụng của hộ ông Lữ H3. Giới cận:

Đông giáp thửa đất số 679, 678 dài 22,91 m

Tây giáp đường đi dài: 2,76m; 2,27m; 3,17m; 2,74m; 7,00m; 1,36m; 1,05m; 18,81m và 2,16m

Nam giáp đường đi và đất ông Triên dài: 2,96m; 20m; 5,70m; 2,38m; 7,86m và 15,80m

Bắc giáp thửa đất 596 dài: 16,09m; 2,4m; 7,15m và 6,61m

2. Thửa đất số 1013, tờ bản đồ số 07, diện tích thực tế 722m² (trong đó có 200m² đất ở và 522m² đất vườn) tại khu phố N, phường H1, thị xã H, tỉnh Bình Định thuộc quyền sử dụng của ông Lữ Đình Tr. Giới cận:

Đông giáp thửa đất số 679 dài 17,50m

Tây giáp đất cụ H dài 20,0m

Nam giáp đường đi dài: 18,25m; 9,02m; 3,54m; 6,98m và 7,32m

Bắc giáp thửa đất số 1012 dài: 5,7m; 2,38m; 7,86m và 15,8m

3. Buộc cụ Nguyễn Thị H phải trả lại phần đất tranh chấp đang sử dụng có diện tích 189,5 m² thuộc thửa đất số 1013 cho ông Lữ Đình Tr. Giới cận:

Đông giáp đất cùng thửa dài 18,56m

Tây giáp đất cho cụ H dài 20,0m

Nam giáp đường đi dài: 6,98m; 7,32m

Bắc giáp thửa 1012 dài 5,7m

(Có sơ đồ kèm theo)

4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc cụ Nguyễn Thị H phải tháo dỡ một phần ngôi nhà.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 08/9/2020, bị đơn cụ Nguyễn Thị H kháng cáo yêu cầu bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 21/12/2020 nguyên đơn ông Lữ Đình Tr chết. Ông Tr có vợ là bà Dương Thị M và 03 người con là anh Lữ Đình Ph, chị Lữ Thị S, Lữ Thị L và 01 con chung với người vợ trước là anh Lữ Đình B nên theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự bà M, anh Ph, chị S, chị L và anh B là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn.

Ngày 13/4/2021, bị đơn cụ Nguyễn Thị H chết. Cụ H có 05 người con chung với cụ Lữ H3 là: Lữ Đình Ng, Lữ Đình Nh, Lữ Đình Đ, Lữ Thị T và Lữ Thị L1 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “đòi lại tài sản và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất” nhưng bản án sơ thẩm chỉ quyết định về yêu cầu đòi lại tài sản của nguyên đơn mà không xem xét đến “yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất” của nguyên đơn là bỏ sót quan hệ pháp luật tranh chấp không giải quyết gây thiệt hại đến quyền và lợi ích pháp của nguyên đơn. Tuy nhiên, do nguyên đơn không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết nhưng Tòa án cấp sơ thẩm phải rút kinh nghiệm về thiếu sót nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguồn gốc thửa đất số 1013, tờ bản đồ số 07, diện tích 336m² (200m² đất ở và 136m² đất vườn) tại khu phố N, phường H1, thị xã H, tỉnh Bình Định là của dòng họ Lữ đã được Nhà nước cân đối, giao quyền sử dụng cho hộ cụ Lữ M3 (cha ông Lữ Đình Tr). Năm 1998, cụ M3 chết. Những người thừa kế theo pháp luật và các thành viên trong hộ của cụ M3 đều thống nhất giao thửa đất số 1013 cho ông Tr trọn quyền sử dụng (theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, công chứng tại Văn phòng Công chứng H ngày 11/7/2016 và theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, công chứng số 2038, quyển số 01 tại Văn phòng Công chứng H ngày 11/7/2016).

Liên kê thửa đất số 1013 là thửa đất số 1012 của hộ cụ Nguyễn Thị H (vợ cụ Lữ H3). Theo nguyên đơn, trong quá trình sử dụng đất, năm 2017 gia đình cụ H xây dựng nhà ở đã lấn chiếm một phần của thửa đất số 1013 nên nguyên đơn yêu cầu cụ H phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm. Tuy nhiên, do cụ H đã xây nhà kiên cố trên một phần diện tích đất lấn chiếm nên nguyên đơn chỉ yêu cầu cụ H trả lại diện tích đất theo ranh giới song song và cách tường nhà cụ H 01m, cụ thể như sau: Phần diện tích đất lấn chiếm mà trên đất có một phần nhà do cụ H xây dựng nguyên đơn đồng ý để cho hộ cụ H tiếp tục sử dụng, không buộc cụ H phải tháo dỡ phần nhà trả lại đất; phần diện tích đất lấn chiếm còn lại cụ H phải trả lại cho nguyên đơn.

Bị đơn cụ Nguyễn Thị H không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì gia đình cụ không lấn chiếm đất của ông Tr. Nguồn gốc đất mà hiện nay ông Tr đang sử dụng là do cụ Lữ H3 cho cụ Lữ M3 sử dụng từ trước năm 1975. Phần đất trước đây cụ M3 sử dụng hiện nay hộ ông Tr sử dụng có tường rào, cổng ngõ đều do cụ M3 và ông Tr xây dựng, có ranh giới, mốc giới rõ ràng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1.1] Tại Công văn số 21/UBND-TNMT ngày 08/6/2020 của UBND thị xã H đã có ý kiến như sau:

Theo hồ sơ địa chính năm 1985: Thửa đất số 1012, tờ bản đồ 07 (bản đồ năm 1997), xã H1 được thể hiện tại thửa đất số 1012 tờ bản đồ số 07 (bản đồ năm 1984), diện tích 536m², loại đất thổ cư, chủ sử dụng đất là cụ Lữ H3 (Sổ mục kê ruộng đất). Thửa số 1013, tờ bản đồ số 07 (bản đồ năm 1997), xã H1 được thể hiện tại thửa đất số 1013, tờ bản đồ số 07 (bản đồ năm 1984), xã H1, diện tích 336m², loại đất thổ cư, chủ sử dụng đất là cụ Lữ M3 (Sổ Mục kê ruộng đất).

Theo hồ sơ địa chính năm 1997: Thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân. Thửa đất số 1012, tờ bản đồ số 07 (bản đồ năm 1997), xã Hoài Thanh Tây, chủ sử dụng đất cụ Lữ Hiền; thửa đất số 1013, tờ bản đồ số 07, xã Hoài Thanh Tây, chủ sử dụng đất cụ Lữ Mèo.

Ngày 20/3/1996, cụ Hiền có đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất trong đó có thửa đất số 1012, tờ bản đồ số 07 được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã H1 thống nhất, đề nghị UBND huyện. Ngày 01/8/1997, UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho hộ cụ H3 tại thửa đất 1012, tờ bản đồ số 07, diện tích 536m² (đất ở: 200m², đất vườn: 336m²).

Ngày 20/3/1996, cụ Lữ M3 có đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất trong đó có thửa đất số 1013, tờ bản đồ số 07 được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã H1 thống nhất, đề nghị UBND huyện cấp GCNQSDĐ số vào sổ 01209 cho hộ cụ Lữ M3 tại thửa đất 1013, diện tích 336 m² (đất ở: 200m²; đất vườn: 136m²).

[2.1.3] Theo UBND xã H1 xác định: Phần đất tranh chấp có diện tích 305,5m² (theo sơ đồ hiện trạng tranh chấp đất đai ngày 20/12/2019) thuộc thửa đất số 1013, tờ bản đồ số 07 (bản đồ năm 1997), xã H1 đã được giao quyền sử dụng đất cho hộ cụ Lữ M3. Diện tích đất chênh lệch tăng là do sai số đo đạc qua các thời kỳ và một phần diện tích lấn chiếm đường đi.

[2.1.4] Đối chiếu với tờ bản đồ địa chính số 07, xã H1 (bản đồ năm 1997) do UBND thị xã H cung cấp thì ranh giới giữa thửa 1012 và thửa 1013 là đường thẳng. Việc cụ H cho rằng phần đất trước đây cụ M3 sử dụng hiện nay hộ ông Tr sử dụng có tường rào, cổng ngõ đều do cụ M3 và ông Tr xây dựng, có ranh giới, mốc giới rõ ràng, gia đình cụ không lấn đất của gia đình ông Tr nhưng theo nguyên đơn do gia đình bị mất GCNQSDĐ nên không biết thửa đất số 1013 có diện tích là bao nhiêu; điều này cũng phù hợp với

Công văn số 21/UBND-TNMT ngày 08/6/2020 của UBND thị xã H xác nhận: “Ngày 07/6/2010, UBND huyện H ban hành quyết định số 1855/QĐ-UBND về việc hủy bỏ GCNQSDĐ theo số vào sổ 01209/QSDĐ/A9 do UBND huyện H cấp cho hộ cụ Lữ M3 tại các thửa đất trong đó có thửa 1013, tờ bản đồ 07, xã H1. Lý do GCNQSDĐ bị hủy bỏ: theo đơn báo mất (thất lạc) GCNQSDĐ của hộ ông Lữ Đình Tr, đã được UBND xã H1 niêm yết công khai mất giấy và đề nghị hủy bỏ GCNQSDĐ”.

[2.1.5] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 16/3/2021, bị đơn xuất trình Công văn số 1293/VPĐK-TTTLT ngày 30/9/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định về việc cung cấp thông tin sản phẩm đo đạc bản đồ địa chính, sổ mục kê theo yêu cầu của Trung tâm Tư vấn Pháp luật – Hội Luật gia H với nội dung: “... Đối với thửa đất số 680, tờ bản đồ số 19, diện tích 797,7m² loại đất ở chủ sử dụng là hộ bà Nguyễn Thị H. Thửa đất số 682, tờ bản đồ số 19, diện tích 262,8m², loại đất lâu năm khác (LNK) chủ sử dụng là hộ ông Lữ H3, có địa chỉ tại thôn N, xã H1, huyện H, tỉnh Nghĩa Bình (nay là khu phố N, phường H1, thị xã H, tỉnh Bình Định)”. Theo bị đơn, nội dung Công văn nêu trên là cơ sở để xác định rằng phần đất tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của hộ cụ H. Tuy nhiên, tại Công văn số 632/UBND-TNMT ngày 07/5/2021 của UBND thị xã H đã nêu: “...Thực hiện chủ trương cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đo đạc bản đồ VN-2000, thửa đất số 1013, tờ bản đồ số 7 (bản đồ năm 1997) được đo đạc thành 02 thửa đất số 681 và 682, tờ bản đồ số 19 (bản đồ VN-2000). Hiện nay 02 thửa đất trên chưa cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do có tranh chấp nên khi thực hiện đo đạc theo tiêu chuẩn quốc gia VN-2000, thửa đất 1013, tờ bản đồ số 7 (bản đồ năm 1997) được đo đạc, chỉnh lý thành các thửa 681 và 682, tờ bản đồ số 19 (bản đồ VN-2000). Hộ bà Nguyễn Thị H (chồng Lữ H3) kê khai thửa đất số 682, được ghi tên người sử dụng, thể hiện trong Sổ Mục kê

Thời điểm hình thành lối đi giữa các thửa đất 681, thửa 682, tờ bản đồ số 19 (bản đồ VN-2000) là từ sau thời điểm Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP”.

Từ những phân tích tại [2.1.1] đến [2.1.5], Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất mà nguyên đơn tranh chấp là thuộc thửa đất số 1013, tờ bản đồ số 07, khu phố N, phường H1, thị xã H là thuộc quyền sử dụng của ông Lữ Đình Tr là có căn cứ. Do đó hộ cụ H phải trả lại diện tích lấn chiếm cho nguyên đơn là đúng pháp luật. Tuy nhiên, cụ Huyền đã xây nhà kiên cố trên một phần diện tích đất lấn chiếm nên nguyên đơn chỉ yêu cầu cụ H trả lại diện tích đất theo ranh giới song song và cách tường nhà cụ H 01m; phần diện tích đất còn lại cụ H phải trả lại cho nguyên đơn. Yêu cầu của nguyên đơn là có tình, có lý nên được chấp nhận.

Theo Trích đo địa chính khu đất ngày 02/02/2021, phần đất có tranh chấp ký hiệu Khu C, Khu D với tổng diện tích 320,7m² trong đó phần diện tích do cụ H xây dựng trên Khu D là 65,7m². Căn cứ theo yêu cầu của nguyên đơn thì phần diện tích đất giao cho cụ H sử dụng là 126,7m² (ký hiệu Khu D),

trên đất có công trình xây dựng của cụ H diện tích 65,7m²; phần còn lại ký hiệu Khu C, diện tích 194m² cụ H và gia đình cụ H phải trả lại cho nguyên đơn (có sơ đồ kèm theo).

[2.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của cụ Nguyễn Thị H không được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội (Nghị quyết 326), cụ H phải chịu nhưng cụ H là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 cụ H được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cụ H chết nên những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[2.3] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tại cấp phúc thẩm 15.000.000 đồng, bị đơn phải chịu.

[2.4] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng tại phiên tòa nhưng gửi bản luận cứ nội dung: Đề nghị bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.5] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu quan điểm pháp lý đề nghị chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

[2.6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 166 Bộ luật Dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Buộc các thừa kế của cụ Nguyễn Thị H, cụ Lữ H3 phải trả lại diện tích đất 194 m² thuộc thửa đất số 1013, tờ bản đồ số 07 tại khu phố N, phường H1, thị xã H, tỉnh Bình Định cho các thừa kế của ông Lữ Đình Tr gồm: bà Dương Thị M, anh Lữ Đình Ph, chị Lữ Thị S, Lữ Thị L và anh Lữ Đình B được quyền quản lý, sử dụng (Phần đất ký hiệu Khu C trên sơ đồ kèm theo)

2. Ghi nhận tự nguyện của bà Dương Thị M, anh Lữ Đình Ph và chị Lữ Thị S không tranh chấp đối với diện tích đất 65,7m² đất (loại đất vườn) thuộc thửa đất số 1013, tờ bản đồ số 07 tại khu phố Ngọc Sơn Nam, phường H1, thị xã H, tỉnh Bình Định mà để diện tích này cho các thừa kế của vợ chồng cụ Nguyễn Thị H, Lữ H3 được quản lý, sử dụng (Phần đất ký hiệu Khu D trên sơ đồ kèm theo)

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lữ Đình Ng, anh Lữ Đình Nh, chị Lữ Thị T, chị Lữ Thị L1 và anh Lữ Đình Đ không phải chịu. Hoàn trả lại cho Anh Lữ Đình Ng, anh Lữ Đình Nh, chị Lữ Thị T, chị Lữ Thị L1 và anh Lữ Đình Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000066 ngày 14/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H.

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp phúc thẩm 15.000.000 đồng, anh Lữ Đình Ng, anh Lữ Đình Nh, chị Lữ Thị T, chị Lữ Thị L1 và anh Lữ Đình Đ phải chịu. Anh Lữ Đình Ph đại diện cho nguyên đơn đã nộp tạm ứng 15.000.000 đồng nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn phải liên đới trả lại cho anh Ph 15.000.000 đồng, chia phần cụ thể như sau: Anh Lữ Đình Ng, anh Lữ Đình Nh, chị Lữ Thị T, chị Lữ Thị L1 và anh Lữ Đình Đ mỗi người phải trả cho nguyên đơn 3.000.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND TX H;
- Chi cục THADS TX H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Hồ Tuấn Anh